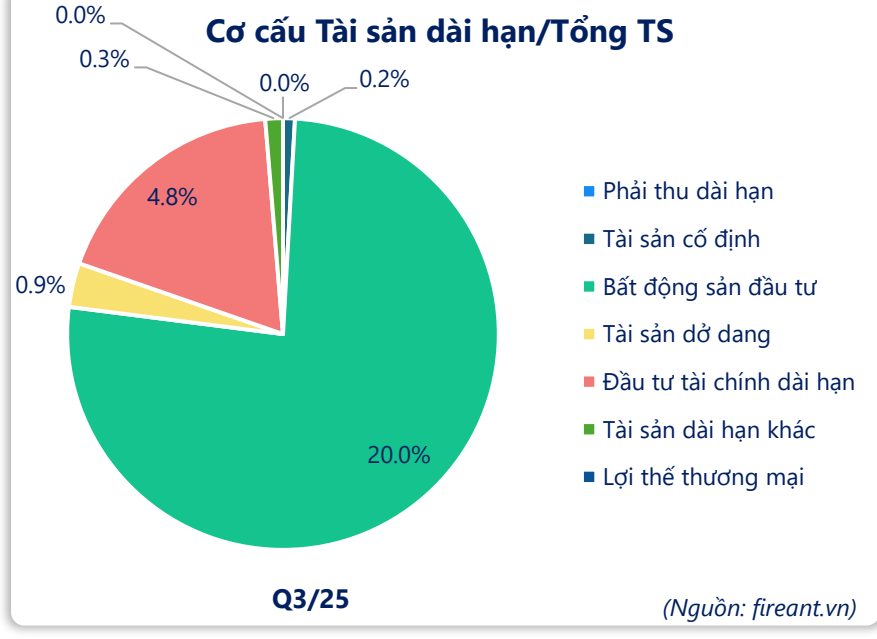
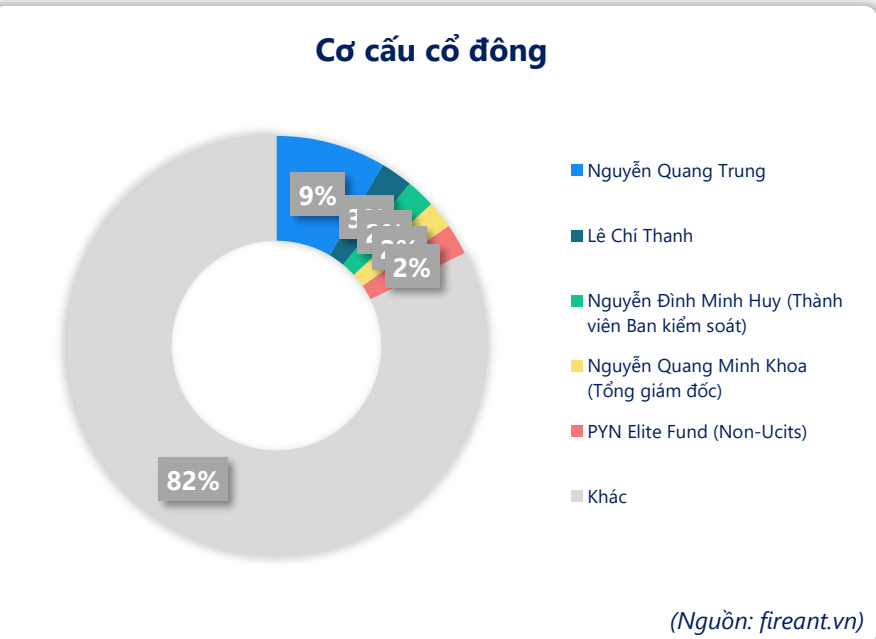
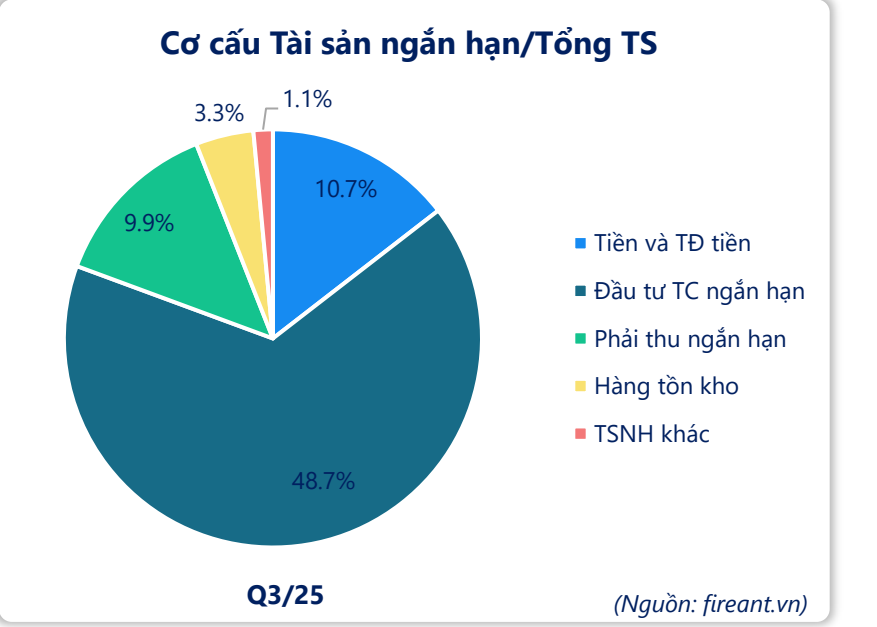
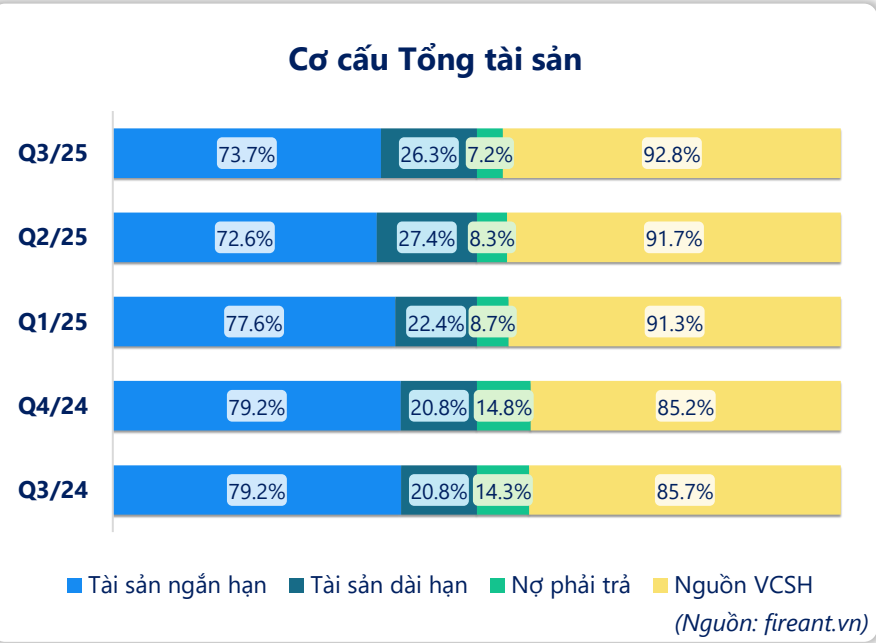
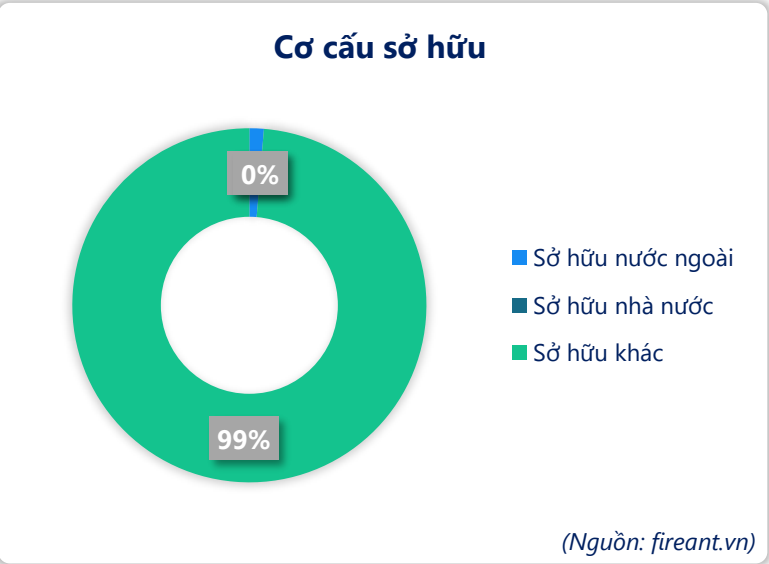
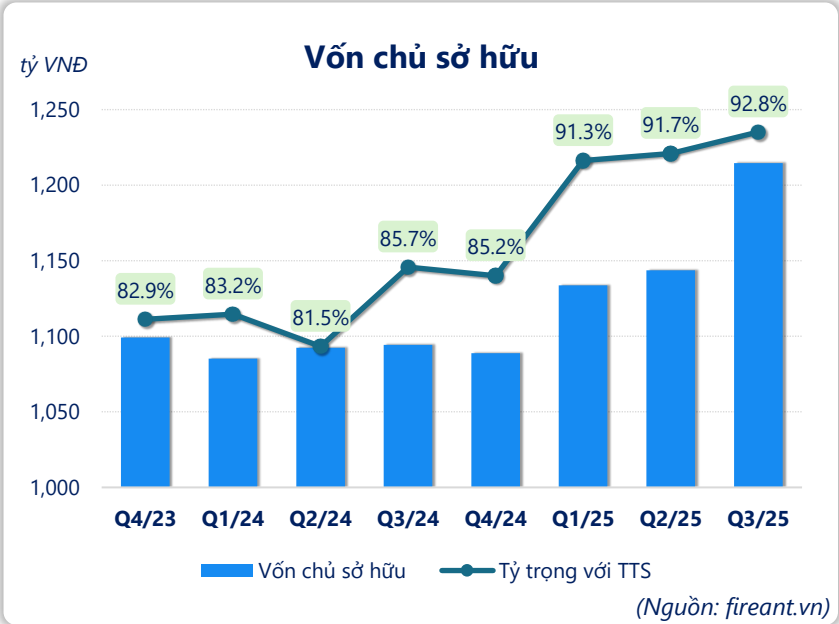
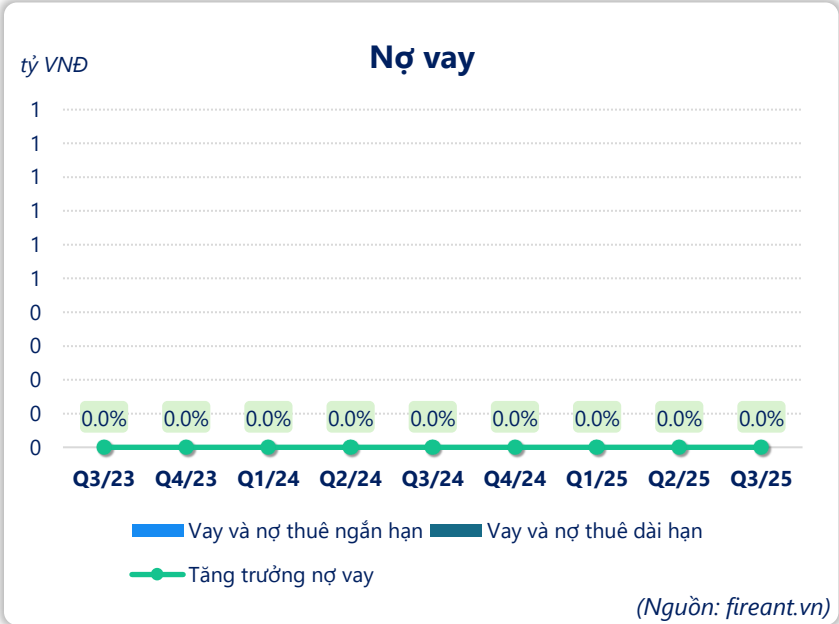
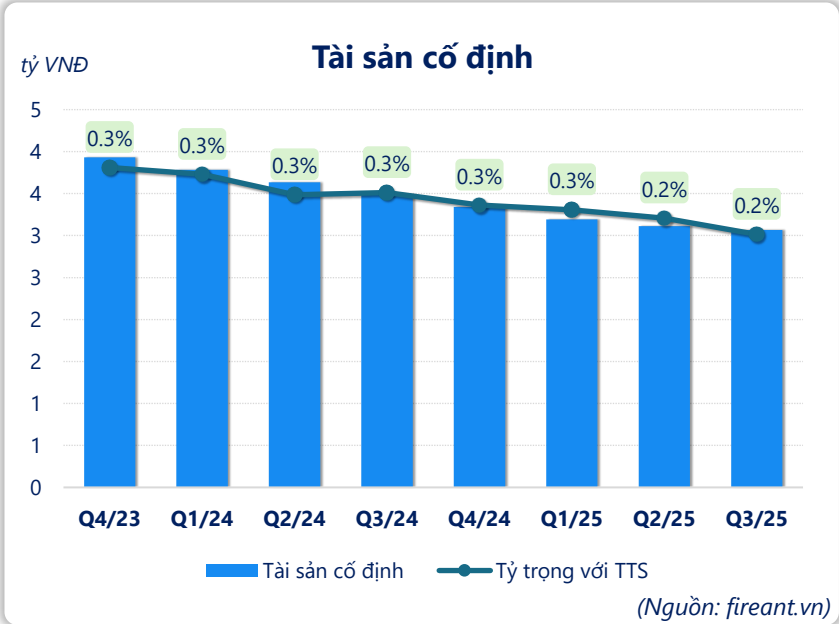
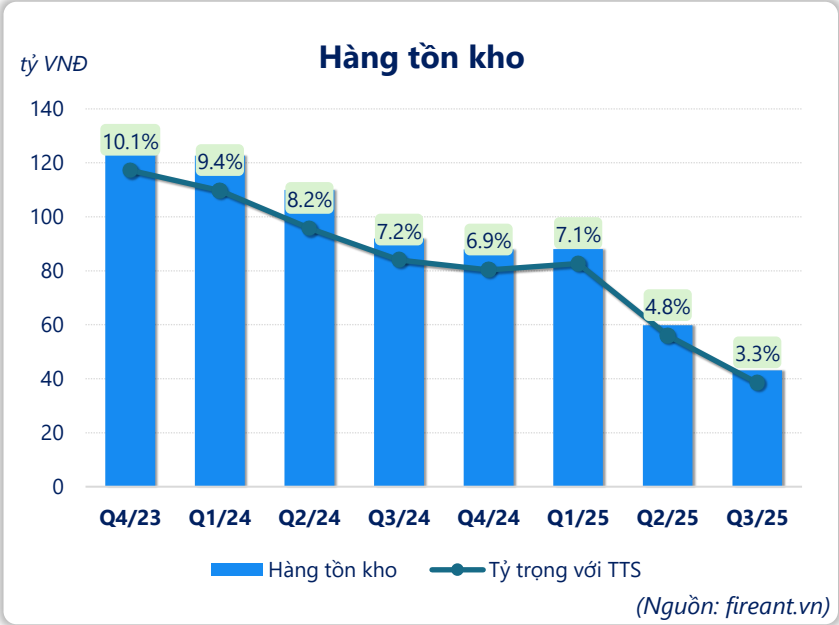
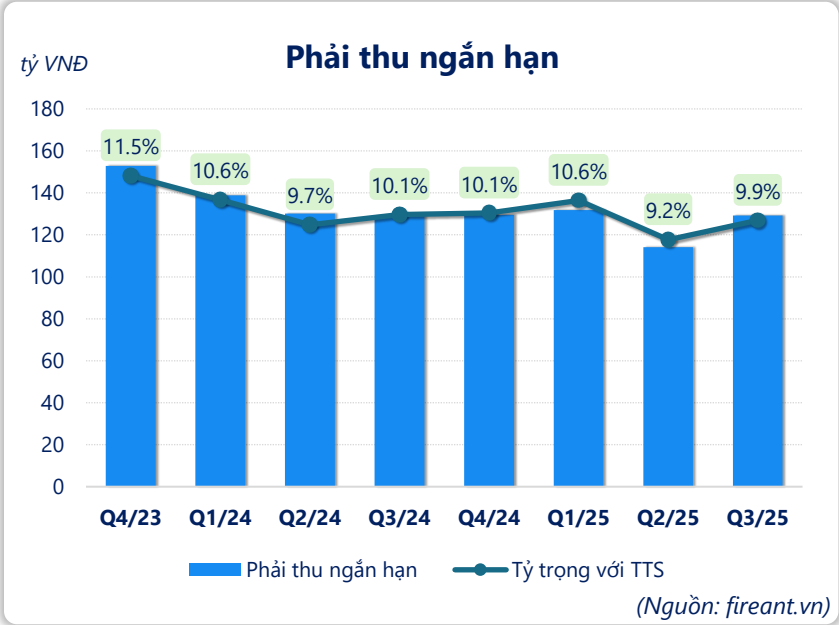
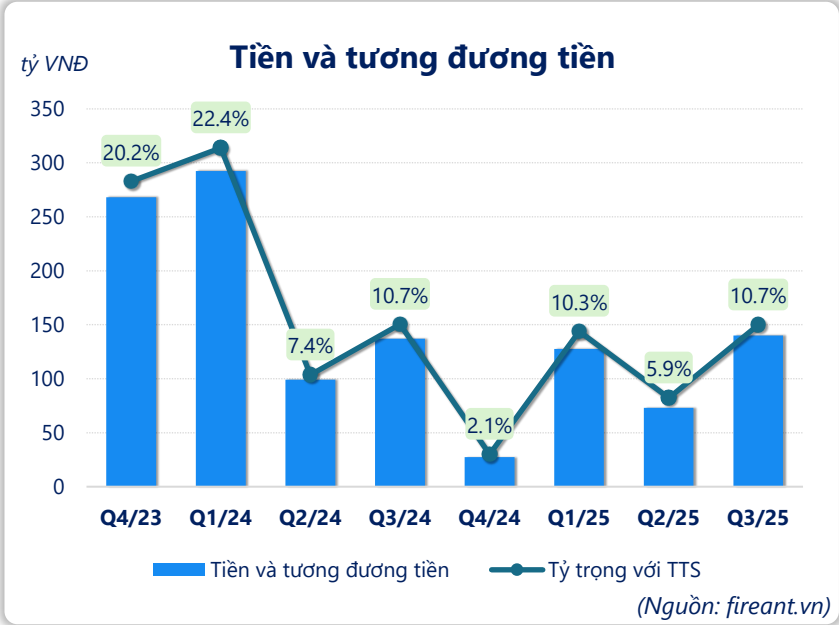
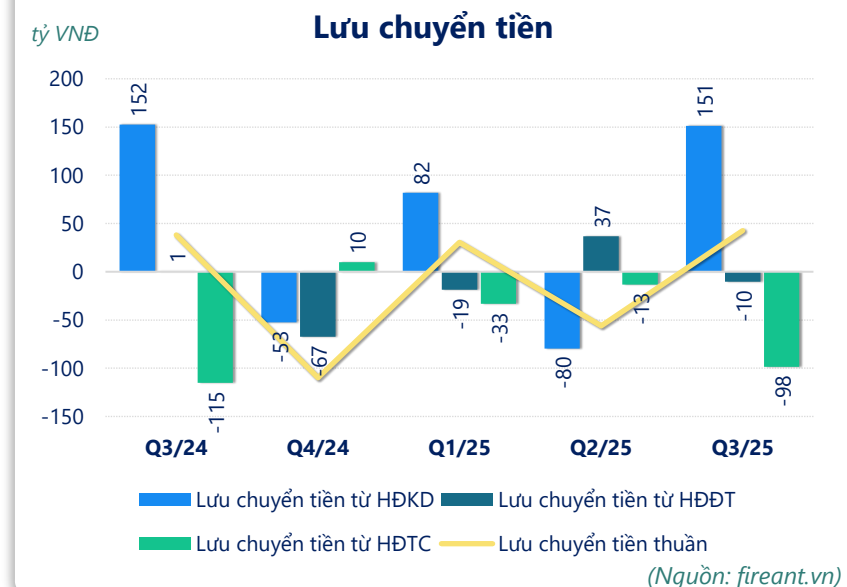
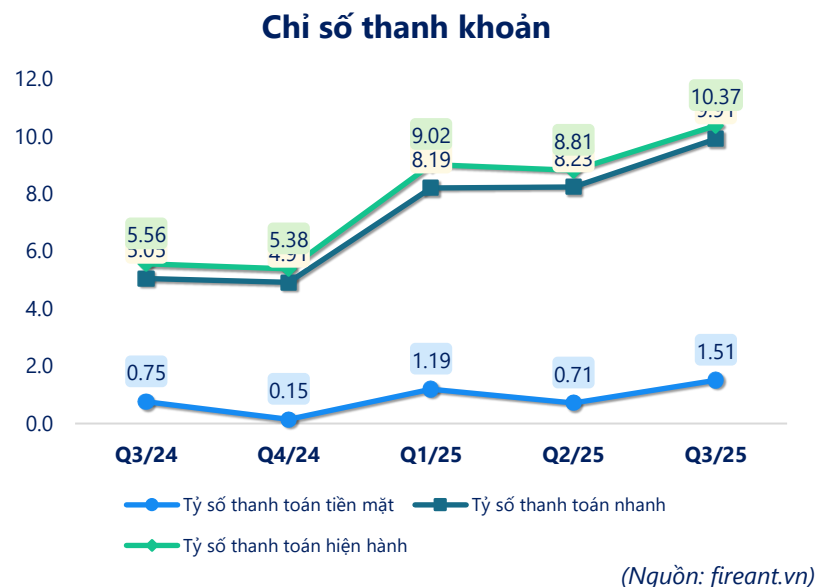
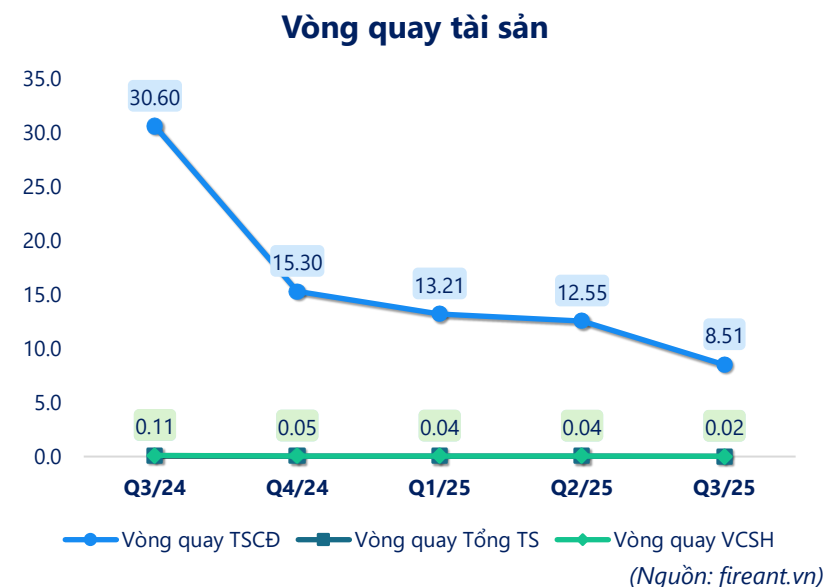
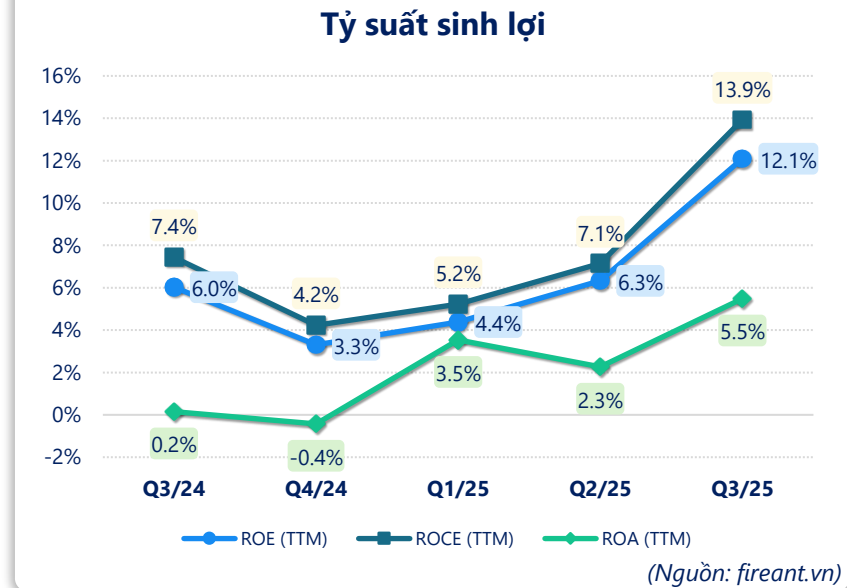
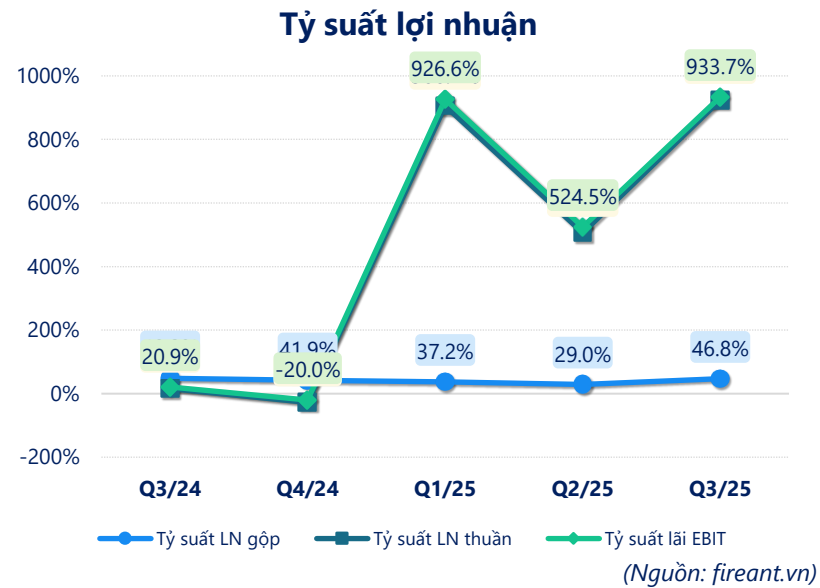
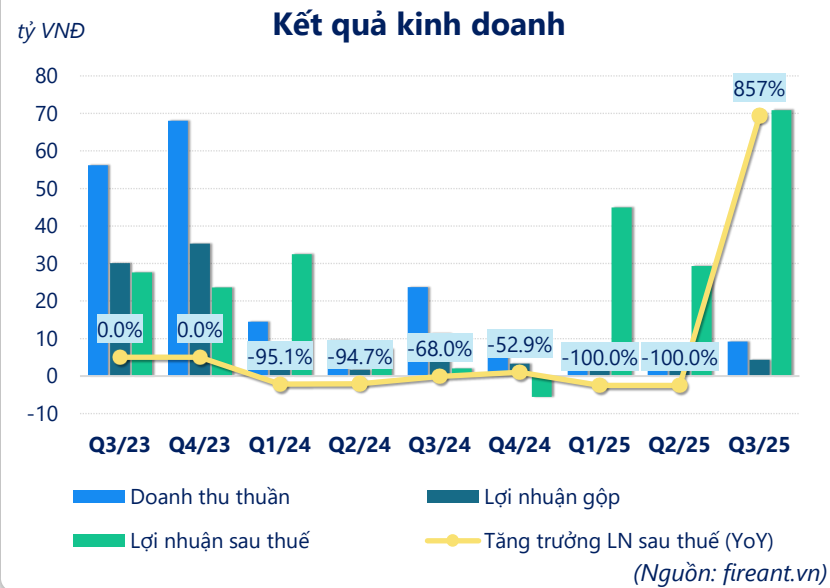


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,726
SL cổ phiếu LH		71,657,936
KLGD BQ 20 phiên (CP)		587,895
% sở hữu nước ngoài		1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		910
P/E		6.5
EPS		1,948

	YTD	1T	3T	6T
NDN	47.3%	-3.1%	33.7%	38.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,309	1,278	2.4%
Tài sản ngắn hạn	964	1,011	-4.7%
Tiền và tương đương tiền	140	97.4	43.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	637	680	-6.3%
Phải thu ngắn hạn	129	130	-0.3%
Hàng tồn kho	43.2	87.9	-50.9%
Tài sản ngắn hạn khác	14.5	16.5	-12.4%
Tài sản dài hạn	345	266	29.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	3.07	3.34	-8.2%
Bất động sản đầu tư	262	192	36.7%
Tài sản dở dang	11.4	11.4	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	63.3	55.4	14.3%
Tài sản dài hạn khác	4.53	4.38	3.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	94.0	189	-50.3%
Nợ ngắn hạn	93.0	188	-50.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	43.6	48.0	-9.0%
Nợ dài hạn	1.05	1.34	-21.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,215	1,089	11.6%
Vốn chủ sở hữu	1,215	1,089	11.6%
Vốn điều lệ	717	717	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	23.7	7.89	4.97	5.81	9.21
Giá vốn hàng bán	12.2	4.59	3.12	4.13	4.90
Lợi nhuận gộp	11.5	3.30	1.85	1.68	4.31
Doanh thu HĐTC	25.8	15.0	18.9	21.7	96.5
Chi phí TC	31.2	12.6	-26.5	-6.75	13.8
Chi phí lãi vay	1.23	1.37	1.13	1.08	0.89
LN trong công ty LKLD	0	0	0	1.01	-0.01
Chi phí bán hàng	0.78	5.32	0.01	0.02	0.13
Chi phí QLDN	1.57	2.47	2.21	1.68	1.74
LN thuần từ HĐKD	3.72	-2.17	45.0	29.4	85.2
Lợi nhuận khác	0.00	-0.78	-0.12	0.00	-0.02
LN trước thuế	3.72	-2.95	44.9	29.4	85.1
Lợi nhuận sau thuế	2.05	-5.57	44.9	29.3	70.8
LNST của CĐ cty mẹ	2.05	-5.57	44.9	29.3	70.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	152	-52.6	82.0	-79.7	151
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.74	-67.2	-18.5	36.8	-10.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-115	9.97	-33.1	-13.2	-98.4
Tiền đầu kỳ	99.1	137	97.4	128	97.4
Lưu chuyển tiền thuần	38.1	-110	30.4	-56.0	42.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	137	27.4	128	71.7	140

(Nguồn: fireant.vn)